

Bản án số: 14/2024/DS-ST

Ngày 23/8/2024

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tiến Sĩ

Bà Trần Thị Kim Khuyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:**  
Bà Khổng Thị Phú Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *N đơn:* Ông Lê Xuân N, sinh năm 1952; Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh V (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Hà Trọng T, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh V (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2024, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, N đơn ông Lê Xuân N trình bày: Ông và anh Hà Trọng T có quan hệ anh em thông gia (chị gái của mẹ đẻ anh T là chị dâu của ông). Ngày 20/02/2016 (âm lịch), tức ngày 28/3/2016, anh T có đến nhà ông vay tiền (một mình anh T đến vay tiền), với số tiền là 100.000.000đ, hai bên viết giấy vay tiền, thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, trả lãi 3 tháng 1 lần, thời hạn vay: khi nào có nhu cầu thì báo trước 1 tháng, mục đích anh T vay tiền để làm gì thì ông không rõ.

Quá trình vay tiền từ đó cho đến nay đã nhiều lần ông đến nhà anh T để đôn đốc trả nợ, nhưng anh T đều nhất nằn không trả (kể cả gốc và lãi), còn tỏ ý thách thức. Trước khi khởi kiện ra Tòa án, ông cũng đã đến nhà anh T yêu cầu anh T trả lại tiền cho ông nhưng anh T vẫn không trả.

Nay ông khởi kiện anh T, yêu cầu anh T trả lại cho ông số tiền gốc là 100.000.000đ, ông không yêu cầu lãi suất.

Ngoài ra, ông xác định nguồn gốc số tiền trên là tiền riêng của ông và ông cho anh T vay, không liên quan gì đến vợ con anh T.

Bị đơn anh Hà Trọng T vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt), nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/8/2024 trình bày: Anh và ông Lê Xuân N có mối quan hệ như ông N trình bày là đúng. Ngày 20/02/2016 (âm lịch), tức ngày 28/3/2016, một mình anh đến nhà ông N vay tiền, với số tiền vay là 100.000.000đ, hai bên viết giấy vay tiền, thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, trả lãi 3 tháng 1 lần, thời hạn vay: khi nào có nhu cầu thì báo trước 1 tháng, mục đích anh vay tiền để làm ăn, sử dụng riêng, anh đã trả được 20.000.000đ tiền lãi trong 3 năm từ năm 2016 đến 2019, nhưng việc trả lãi không có giấy tờ gì. Quá trình vay tiền từ đó cho đến nay đã nhiều lần ông N đến nhà anh để đôn đốc trả nợ, nhưng do kinh tế khó khăn nên anh xin nhất trả dần gốc và lãi. Nay ông N yêu cầu anh trả nợ số tiền gốc là 100.000.000đ, anh xin nhất trả dần, mỗi năm trả 20.000.000đ.

Ngoài ra, anh xác định số tiền vay của ông N nêu trên là tiền vay riêng của anh và không liên quan gì đến vợ con anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân N. Buộc bị đơn là anh Hà Trọng T trả nợ cho ông N số tiền là 100.000.000đ và lãi suất chậm trả theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015; anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của ông Lê Xuân N và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định: Ông Lê Xuân N cho anh Hà Trọng T vay tiền từ ngày 28/3/2016, không xác định thời hạn vay, nhưng sau đó anh Hà Trọng T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Dân sự là “*Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản*”. Bị đơn trong vụ án là anh Hà Trọng T có địa chỉ cư trú tại thôn C, xã Q, huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về tố tụng dân sự:

Bị đơn là anh Hà Trọng T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng anh T đã có đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do N đơn cung cấp, lời khai của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 28/3/2016, ông Lê Xuân N đã cho anh Hà Trọng T vay số tiền là 100.000.000đ (hai bên có viết giấy nhận nợ), trong giấy nhận nợ không thể hiện mục đích vay, thời hạn vay: khi nào có nhu cầu thì báo trước 1 tháng, lãi suất vay là 2%/tháng và chỉ có chữ ký bên vay là anh Hà Trọng T, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê Xuân N và anh Hà Trọng T đều thừa nhận là anh Hà Trọng T vay của ông Lê Xuân N 100.000.000đ để làm ăn, sử dụng riêng. Sau đó, do anh Hà Trọng T làm ăn thua lỗ, khát lần không trả mặc dù ông Lê Xuân N đã nhiều lần đôn đốc. Nay ông Lê Xuân N yêu cầu anh T phải trả nợ cho ông số tiền vay là 100.000.000đ, không yêu cầu trả tiền lãi từ tháng 03/2016 cho đến nay. Anh T đồng ý trả nợ, nhưng anh xin trả mỗi năm 20.000.000đ, ông N không đồng ý.

Xét, việc anh Hà Trọng T vay tiền ông Lê Xuân N số tiền nêu trên là có căn cứ và anh Hà Trọng T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do vậy, ông Lê Xuân N yêu cầu anh Hà Trọng T trả nợ là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Ngoài ra, anh T cho rằng anh đã trả được cho ông N 20.000.000đ tiền lãi (từ năm 2016 đến 2019), nhưng anh không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh, bản thân ông N không thừa nhận việc anh T đã trả được 20.000.000đ tiền lãi. Do vậy không có căn cứ để xác định việc anh T đã trả lãi cho ông N. Hơn nữa, ông N, anh T không đề nghị giải quyết về lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Anh Hà Trọng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 100.000.000đ x 5% = 5.000.000đ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân N.

Buộc anh Hà Trọng T phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Xuân N số tiền là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên, người phải thi hành án không trả được thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hà Trọng T phải chịu 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Nga**